

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN: ĐỊA LÝ - KHỐI 12
THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, trong số các tỉnh biên giới trên đất liền giáp Trung Quốc không có tỉnh

- A. Sơn La.
- B. Lạng Sơn.
- C. Cao Bằng.
- D. Hà Giang.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, Xác định quốc gia nào **không** tiếp giáp với nước ta trên biển chỉ tiếp giáp với nước ta trên đất liền

- A. Lào.
- B. Thái Lan.
- C. Campuchia.
- D. Trung Quốc.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

- A. Kiên Giang.
- B. Cà Mau.
- C. Đồng Tháp.
- D. An Giang.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Trung Quốc cả trên đất liền và trên biển?

- A. Quảng Ninh.
- B. Lạng Sơn.
- C. Cao Bằng.
- D. Hà Giang.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với cả Lào và Campuchia?

- A. Kon Tum.

- B. Gia Lai.
- C. Đắk Lắk.
- D. Quảng Nam.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp với Lào?

- A. Gia Lai.
- B. Kon Tum.
- C. Nghệ An.
- D. Điện Biên.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, trong số các tỉnh biên giới trên đất liền giáp Lào **không** có tỉnh

- A. Quảng Ngãi.
- B. Sơn La.
- C. Nghệ An.
- D. Điện Biên.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, biên giới trên đất liền nước ta tiếp giáp những quốc gia nào?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia.
- B. Trung Quốc, Lào, Mianma.
- C. Lào, Campuchia, Mianma.
- D. Trung Quốc, Campuchia, Mianma.

Câu 9: Việt Nam tiếp giáp với biển Đông thông ra

- A. Thái Bình Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Bắc Băng Dương.
- D. Ấn Độ Dương.

Câu 10: Phần lớn biên giới nước ta nằm ở khu vực

- A. đồi núi.
- B. đồng bằng.

C. cao nguyên.

D. ven biển.

Câu 11: Việt Nam nằm trong vùng có nhiều thiên tai

A. bão, lũ lụt, hạn hán.

B. sương muối, mưa đá.

C. sạt lở.

D. lũ lụt.

Câu 12: Đường bờ biển nước ta chạy dài qua

A. 28/63 tỉnh thành phố.

B. 27/64 tỉnh thành phố.

C. 26/64 tỉnh thành phố.

D. 25/64 tỉnh thành phố.

Câu 13: Vùng biển nước ta gồm

A. 5 bộ phận.

B. 6 bộ phận.

C. 7 bộ phận.

D. 8 bộ phận.

Câu 14: Khu vực địa hình cao nhất nước ta là vùng núi

A. Tây Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Trường Sơn Nam.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 15: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Trường Sơn Nam là

A. có các cao nguyên đồ sộ, phân bậc, sườn dốc và quay lưng về phía biển.

B. gồm các đỉnh núi cao xen lẫn với các cao nguyên.

C. có các dãy núi lớn hướng vòng cung.

D. có địa hình cao nhất nước ta.

Câu 16: Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi được thể hiện

- A. địa hình đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ.
- B. địa hình núi cao chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
- C. địa hình đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- D. cấu trúc địa hình đa dạng.

Câu 17: Địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta so với diện tích tự nhiên lãnh thổ chiếm khoảng

- A. 1 % .
- B. 10%.
- C. 6%.
- D. 60 %.

Câu 18: Đặc điểm giống nhau của địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. hướng núi Tây Bắc – Đông Nam.
- B. chủ yếu núi trung bình và núi thấp.
- C. chủ yếu núi cao.
- D. hướng núi cánh cung.

Câu 19.

Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2007	2009	2010	2014
Tổng sản lượng	3466.8	4199.1	4870.3	5142.7	6333,2
Khai thác	1987.9	2074.5	2280.5	2414.4	2920,4
Nuôi trồng	1478.9	2124.6	2589.8	2728.3	3412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, Nhà xuất bản Thống kê, 2015)

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2005 – 2014 là

- A. biểu đồ miền.
- B. biểu đồ đường.
- C. biểu đồ tròn.

D. biểu đồ cột.

Câu 20: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2005	2010	2012	2016
Xuất khẩu	32447,1	72236,7	114529,2	176580,8
Nhập khẩu	36761,1	84838,6	113780,4	174803,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Kết hợp.

C. Miền.

D. Cột.

Câu 21: Ý nào sau đây **không** phải ý nghĩa kinh tế, xã hội – văn hoá của vị trí địa lý nước ta

A. Biển Đông là một chiến lược quan trọng.

B. mở cửa, thu hút đầu tư.

C. chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị, cùng phát triển.

D. về kinh tế, vị trí địa lý tạo điều kiện phát triển kinh tế,

Câu 22: Ý nào sau đây **không** phải thuộc vùng đất nước ta

A. lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

B. hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ.

C. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.

D. diện tích 331.212km² (2006).

Câu 23: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đặc điểm chung của tự nhiên nước ta?

A. đất nước nhiều đồi núi chiếm tới 2/3 diện tích lãnh thổ đất liền.

B. thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển đông.

C. thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. thiên nhiên phân bố đa dạng theo Bắc – Nam , Đông –Tây và theo độ cao.

Câu 24: Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam

A. chủ yếu núi cao.

B. bất đối xứng giữa hai sườn Đông-Tây.

C. các cao nguyên ba dan xếp tầng.

D. hướng vòng cung.

II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1(1,0 điểm) Trình bày đặc điểm phần đất liền của nước ta?

Câu 2(1,0 điểm) Hãy nêu đặc điểm chung của tự nhiên nước ta?

Câu 3(1,0 điểm) Nêu ý nghĩa kinh tế, xã hội – văn hoá của vị trí địa lý nước ta?

Câu 4(1,0 điểm) Trình bày đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam?

HẾT

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí tự nhiên Việt Nam

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM(6,0 ĐIỂM) Đáp án A

II. PHẦN TỰ LUẬN(4,0 ĐIỂM)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Đặc điểm phần đất liền của nước ta - Toàn bộ phần đất liền và các hải đảo. - Diện tích 331.212km ² (2006), hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ.	0,5 0,5
2	Đặc điểm chung của tự nhiên nước ta - Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển đông. - Thiên nhiên phân bố đa dạng theo Bắc – Nam , Đông –Tây và theo độ cao.	0,5 0,5
3	Ý nghĩa kinh tế, xã hội – văn hoá của vị trí địa lý nước ta: - Mở cửa, thu hút đầu tư, chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị, cùng phát triển. - Về kinh tế , vị trí địa lý tạo điều kiện phát triển kinh tế,	0,5 0,5
4	Đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam: - Bất đối xứng giữa hai sườn Đông-Tây - Các cao nguyên ba dan xếp tầng, hướng vòng cung	0,5 0,5

--	--	--